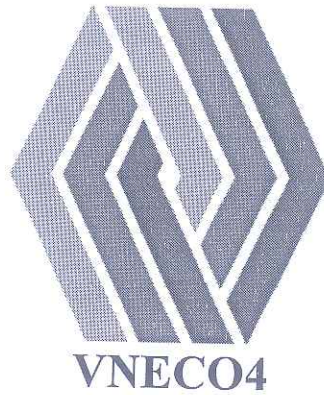


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

Nghệ An, tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Năm 2025

I-Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2703000185 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900574674 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp thay đổi lần 12 ngày 02 tháng 03 năm 2026
- Vốn điều lệ: 10.280.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 197 - Nguyễn Trường Tộ - P. Thành Vinh - Nghệ An
- Số điện thoại: (0238) 353 1065
- Số fax: (0238) 385 3433
- Website: vneco4.com.vn
- Mã cổ phiếu: VE4
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 tiền thân là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam) được thành lập từ năm 1989.

Năm 2003, thực hiện chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp Cơ điện được chuyển thành Công ty CP xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp là công ty thành viên thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam).

Năm 2006, Công ty c chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. Công ty đã tuyền xi xe máy thi côngân hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp Cơ điện được chuyển thành Công ty CP xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-B0kV.

Năm 2008, Công ty đã nâng lên trên 8,2 tỷ đồng và hiện nay vốn điều lệ là 10,28 tỷ đồng. Sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng trưởng qua từng năm; sản lượng, doanh thu hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Mặc dù có sự cạnh tranh hết sức quyết liệt trên thị trường xây lắp điện, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 hoàn toàn có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công để tham gia các công trình, dự án điện có cấp điện áp đến 500 kV và thực tế đã chứng minh được thương hiệu của mình trên thị trường xây dựng điện và đã được các Ban quản lý dự án các công trình điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam đánh giá cao.

Năm 2012, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 09 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Lắp đặt hệ thống điện;
- + Bán buôn vật liệu; Thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- + Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Gia công cơ khí;

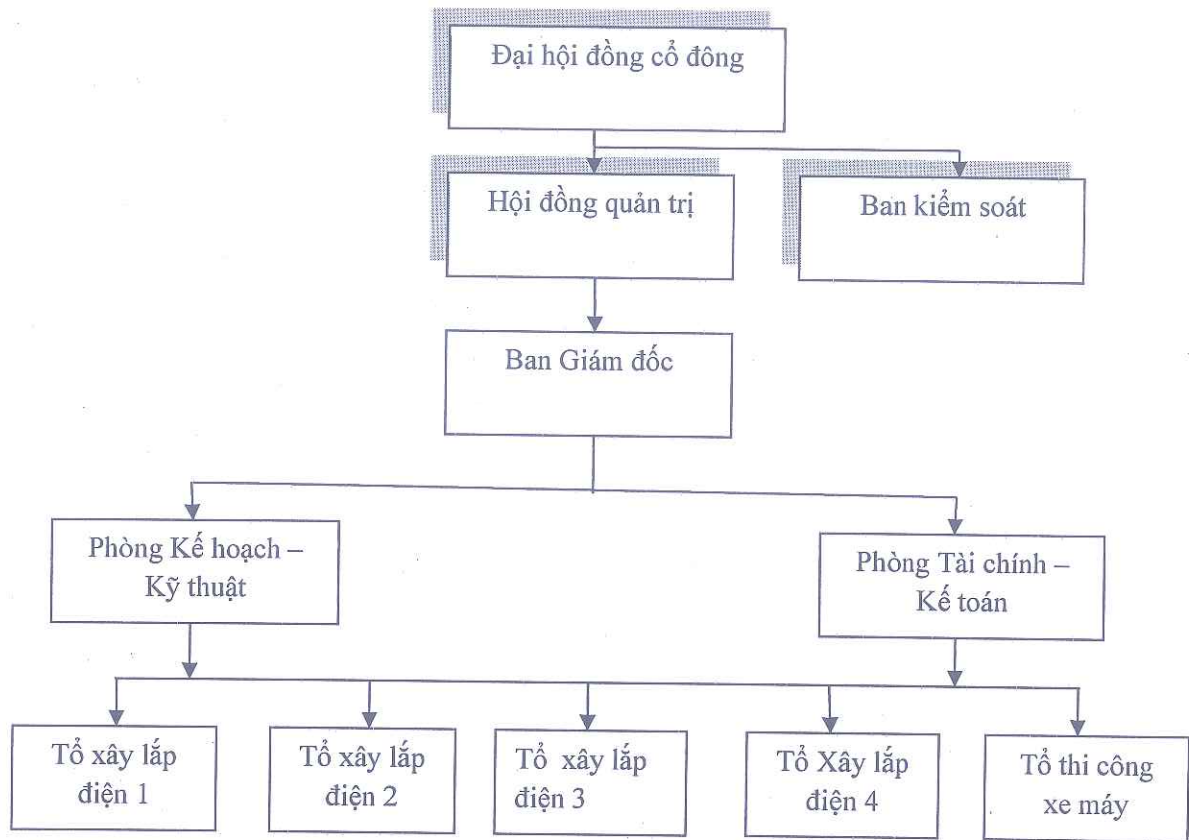
- Địa bàn kinh doanh: các địa phương trên cả nước, nhưng các năm qua hoạt động chủ yếu ở các tỉnh:

- Tỉnh Quảng Ninh
- Tỉnh Hà Giang
- Tỉnh Cao Bằng
- Tỉnh Sơn La
- Tỉnh Lai Châu
- Thành phố Hà Nội
- Tỉnh Thái Bình
- Tỉnh Ninh Bình
- Tỉnh Nam Định
- Tỉnh Thanh Hóa
- Tỉnh Nghệ An
- Tỉnh Hà Tĩnh
- Thành phố Đà Nẵng
- Tỉnh Phú Yên
- Tỉnh Khánh Hòa
- Tỉnh Bình Thuận
- Tỉnh Gia Lai
- Tỉnh Đắk Lắk + ...v....v....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bao gồm 5 thành viên:

Ông Trần Quang Đức	- Chủ tịch
Ông Hồ Hữu Phước	- Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Phú	- Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	- Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	- Ủy viên

3.3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Hồ Hữu Phước	- Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ân	- Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Phú	- Phó Giám đốc

3.4. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Thế Tam	- Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Thế Hùng	- Ủy viên
Ông Đinh Mã Lương	- Ủy viên

3.5. Các Phòng chức năng

* *Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật* là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực:

+ Công tác kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác thị trường đầu thầu; thanh, quyết toán công trình; thống kê báo cáo theo quy định hiện hành;

+ Về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách, BHXH, hành chính quản trị văn phòng, thanh tra bảo vệ, an ninh quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật và có các nhiệm vụ chủ yếu, chủ trì xây dựng phương án tổ chức bộ máy sản xuất - kinh doanh, bố trí nhân sự; quản lý hồ sơ, lý lịch, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chế độ hưu trí; kế hoạch chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; xây dựng quy chế phân phối quỹ lương và trả lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng, quy chế phân cấp, nội quy lao động; quản lý lao động, tiền lương của người lao động; công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTT; công tác quản trị văn phòng; công tác thanh tra bảo vệ... và các công tác khác có liên quan.

+ Về các lĩnh vực hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh chung của Công ty... và các công tác khác có liên quan.

* *Phòng Tài chính - Kế toán:*

Phòng Tài chính Kế toán là phòng chuyên môn đầu mối giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, theo dõi và kiểm tra về thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án, các công trình mà Công ty thi công, đề xuất phương án huy động vốn, tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích

hoạt động tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ ... và các công tác khác có liên quan

** Các tổ xây lắp điện, xây dựng*

Là thành viên của Công ty chuyên xây dựng, lắp đặt các công trình điện do Công ty giao có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo tiến độ công trình, chất lượng và hiệu quả.

** Tổ quản lý xe máy*

Là thành viên của Công ty chuyên chở dụng cụ thi công, phụ kiện, vật liệu theo yêu cầu kế hoạch và thực tế. Nhiệm vụ được Công ty giao nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

4. Định hướng phát triển;

4.1. Mục tiêu chung của Công ty

+ Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2025, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Công ty phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.

+ Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống về xây lắp đường dây và trạm. Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực này.

4.2. Phương hướng thực hiện

+ Tập trung chỉ đạo điều hành SXKD, đặc biệt chỉ đạo thi công hoàn thành tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình năm trước thi công dở dang chuyển sang năm sau đồng thời triển khai thi công các công trình mới.

+ Đào tạo tuyển dụng lực lượng kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân có đủ trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng với các cá nhân có trình độ, nhiệt huyết. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cống hiến một cách tốt nhất.

+ Đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên ngành nhằm đảm bảo chủ động trong sản xuất, thi công, phục vụ kinh doanh có hiệu quả, năng suất, chất lượng.

+ Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để huy động nguồn vốn đáp ứng đủ cho sản xuất kinh doanh. Tích cực thu hồi vốn khi có khối lượng hoàn thành

+ Xây dựng điện năng lượng mặt trời áp mái tại khuôn viên văn phòng Công ty, sắp xếp bố trí cho thuê mặt bằng nhằm tăng thêm thu nhập.

5. Các rủi ro

** Rủi ro về kinh tế*

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất.... sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

** Rủi ro từ biến động lãi suất*

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều thay đổi của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính với nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng. Điều này sẽ dẫn tới việc tăng lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp nói chung và tăng chi phí tài chính đầu vào cho Công ty nói riêng.

** Rủi ro từ biến động tỷ giá*

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Công ty.

** Rủi ro thanh toán*

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

** Rủi ro về nguồn nhân lực*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

** Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu*

Vật liệu xây dựng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí xây dựng các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

** Rủi ro bất khả kháng:*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, dịch bệnh...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025: (Số liệu đã được kiểm toán)

- Doanh thu và thu nhập: 61.156 tỷ đồng,

- Lợi nhuận sau thuế: 106 triệu đồng, (Chi tiết xem Báo cáo kết quả SXKD - phụ lục

Mẫu B 02-DN kèm theo)

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (Số liệu đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh TH/KH năm (%)
1	2	3	4	5	6
1	Doanh thu và thu nhập	Tr. Đồng	115.088	61.242	53,14%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	922	106	11,49%

2. Tổ chức và nhân sự của Công ty

Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty:

2.1. Giám đốc: Ông Hồ Hữu Phước

- Giới tính : Nam

- Nơi sinh: Xã Quỳnh Minh - Huyện Quỳnh Lưu - Tỉnh Nghệ An

- Số CMND:

- Quốc tịch: Việt Nam 7/ Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú:

- Địa chỉ email: hohuuphuocvneco3@gmail.com

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

- Quá trình công tác:

Từ 06/2001 - 05/2006: Cán bộ phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;

Từ 06/2006 - 06/2009: phó phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;

Từ 07/2009 - 03/2015: Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;

Từ 04/2015 - 02/2020: Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;

Từ 02/2020 - 16/03/2020: Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4;

Từ 17/03/2020 đến 22/05/2020: Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4;

Từ 23/05/2020 đến nay: Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4;

- Tổng số cổ phần nắm giữ: 254.224 cổ phần (Chiếm 24,73% vốn điều lệ thực góp). Trong đó: Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ thực góp, Số cổ phần Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam uỷ quyền: 254.224 cổ phần (Chiếm 24.73% vốn điều lệ thực góp)

2.2. Phó giám đốc Công ty: Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Giới tính : Nam
 - Nơi sinh : Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
 - Số CMND :
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
 - Địa chỉ thường trú :
 - Trình độ văn hoá : 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Quản trị kinh doanh;
 - Quá trình công tác:
 - Từ tháng 08/1986 - 06/1990: Công nhân kỹ thuật tại Cty xây lắp và đường dây trạm V*
 - Tháng 07/1990 - 02/2006: NV phòng KH - TV ban kiểm soát - Công ty CP XD điện VNECO4.*
 - Từ tháng 03/2006 - 01/2007: NV phòng KH -Trưởng ban kiểm soát - Công ty CP XD điện VNECO4.*
 - Từ 03/2010 - 04/2015: Trưởng phòng KH - Thành viên HĐQT - Công ty CP XD điện VNECO4.*
 - Từ tháng 05/2015 - 08/2016: Trưởng phòng KH KTVT - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.*
 - Từ tháng 08/2016 - 04/2017: Trưởng phòng KTKH - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.*
 - Từ 04/2017 đến nay: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng KTTH - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.*
 - Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc – Công ty CP XD điện VNECO4.
 - Tổng số cổ phần nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0.83% vốn điều lệ)
 - Trong đó:
 - + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0.83% vốn điều lệ)
 - + Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)
- 2.3. Phó giám đốc Công ty: Ông Nguyễn Trung Phú*
- Giới tính: Nam
 - Nơi sinh: Xã Nghi Liên – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An
 - Số CCCD:
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Tôn, giáo: Không
 - Quê quán: Xã Nghi Liên – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An;
 - Email: Phuvneco4@gmail.com
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Đại học kỹ thuật điện.

- Quá trình công tác:
Từ tháng 09/2006 - 06/2019: Cán bộ Kỹ thuật phòng Kỹ Thuật Công ty CP Xây dựng Điện VNECO3.
Từ tháng 07/2019 - 04/2021: Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hùng An.
Từ 05/05/2021 - 31/5/2023: Trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.
Từ ngày 01/06/2023: Phó Giám đốc – Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.

- Tổng số cổ phần nắm giữ (Số nắm giữ tại VNECO4): 0 cổ phần (Chiếm 0 % vốn điều lệ thực góp)

Các thành viên quản lý khác:

2.4. Kế toán trưởng: Ông: Hoàng Đình Khánh

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Tôn, giáo: Không
- Quê quán: Cát Văn – Thanh Chương – Tỉnh Nghệ An;
- Địa chỉ thường trú:
- Điện thoại liên lạc: Email; hoangkhanhsc24@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp).
- Quá trình công tác:

Từ tháng 11/2003- 10/2015: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty CPĐT và XD 24

Từ tháng 11/2015- 06/2022: Kế toán trưởng - Công ty CP xây dựng điện VNECO2.

Từ Tháng 07/2022 – 09/2023: Kế toán trưởng - Công ty CP xây dựng Hùng An.

Tháng 10/2023: Trưởng Phòng tài chính kế toán - Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.

Tháng 11/2023 - nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.

- Tổng số cổ phần nắm giữ (Số nắm giữ tại VNECO4): 0 cổ phần (Chiếm 0 % vốn điều lệ thực góp)

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2025:
 + Đầu tư năng lượng mặt trời: 200 tr đồng
- b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

TT	Chi tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng, giảm năm sau so với năm trước
1	Tổng giá trị tài sản	61.755.263.912	60.868.331.501	-1,44
2	Doanh thu thuần	72.961.639.009	59.647.587.227	-18,25
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	132.514.178	-1.160.962.458	
4	Lợi nhuận khác	495.156.670	1.504.558.188	203,85
5	Lợi nhuận trước thuế: 5=3+4	627.670.848	343.595.730	45,26
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	160.018.413	237.982.012	-48,72
7	Lợi nhuận sau thuế: 7=5-6	467.652.435	105.613.718	77,42
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	455	103	77,36
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,09	1,08	
<u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,94	0,94	
2-Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,77	0,79	
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	4,81	4,78	
3-Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho	8,77	8,26	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,18	0,98	
4-Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,01	0,00	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,05	0,01	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,01	0,00	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,00	-0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 31/12/2025

- tổng số cổ phần : 1.028.000 cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần phổ thông: 1.028.000

+ Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.028.000

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Bảng: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng theo danh sách số: VNMEETVSDV000617/VSDVE4XX ngày 29/05/2025 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện quyền bỏ phiếu tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trong nước	120	1.026.600	10.266.000.000	99,86
a.	Tổ chức	4	741.011	7.410.110.000	72,08
1	CTCP Chứng khoán FPT	1	9	90.000	0,00
2	Công ty CP VINACONEX 39	1	77.400	774.000.000	7,53
3	Cty CP đầu tư SPX	1	101.000	1.010.000.000	9,82

<i>Tổng Công ty cổ phần</i>					
4	<i>Xây dựng Điện Việt Nam</i>	1	562.602	5.626.020.000	54,73
b.	Cá nhân	116	285.589	2.855.890.000	27,78
1	<i>Trong Công ty</i>	9	60.846	608.460.000	5,92
2	<i>Ngoài Công ty</i>	107	224.743	2.247.430.000	21,86
2	Nước ngoài	3	1.400	14.000.000	0,14
a.	Tổ chức	0	0	0	-
b.	Cá nhân	3	1.400	14.000.000	0,14
1	ALEXANDRE ROBERT IDARECI	1	800	8.000.000	0,08
2	LINDELL LAGERMAN PATRIK STEFAN	1	400	4.000.000	0,04
3	Yamazaki Atsushi	1	200	2.000.000	0,02
Tổng cộng		123	1.028.000	10.280.000.000	100,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh phát thải khí nhà kính (GHG) từ cả nguồn trực tiếp (chủ yếu từ phương tiện thi công, máy móc thiết bị sử dụng nhiên liệu hóa thạch) và nguồn gián tiếp (tiêu thụ điện năng tại công trường và văn phòng). Công ty thực hiện theo dõi, kiểm soát phát thải phù hợp với quy mô hoạt động và đặc thù ngành xây lắp điện.

Bên cạnh đó, Công ty từng bước triển khai các sáng kiến nhằm giảm thiểu phát thải, bao gồm tối ưu hóa biện pháp thi công, nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị, ưu tiên sử dụng vật tư – thiết bị tiết kiệm năng lượng và tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Nguyên vật liệu sử dụng trong năm chủ yếu bao gồm thép, nhôm, dây dẫn điện, vật tư thiết bị điện và các cấu kiện phục vụ thi công công trình. Công ty thực hiện kiểm soát chặt chẽ khối lượng sử dụng thông qua hệ thống dự toán, định mức và quy trình quản lý vật tư.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Việc sử dụng nguyên vật liệu tái chế hoặc tái sử dụng được Công ty từng bước xem xét áp dụng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của từng dự án, góp phần giảm thiểu lãng phí tài nguyên và tác động đến môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Năng lượng tiêu thụ bao gồm nhiên liệu cho máy móc, phương tiện thi công (trực tiếp) và điện năng sử dụng tại công trường, nhà xưởng, văn phòng (gián tiếp).

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Công ty triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng như tối ưu hóa lịch vận hành thiết bị, bảo trì định kỳ nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng và hạn chế tiêu hao năng lượng không cần thiết.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

Đồng thời, Công ty khuyến khích sử dụng các thiết bị, công nghệ có hiệu suất cao, từng bước nghiên cứu áp dụng các giải pháp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trong hoạt động thi công và vận hành khi điều kiện cho phép.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu từ hệ thống cấp nước địa phương tại các công trường và văn phòng. Lượng nước tiêu thụ được kiểm soát theo nhu cầu thực tế, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Công ty khuyến khích các biện pháp sử dụng nước hợp lý, hạn chế thất thoát, đồng thời từng bước áp dụng các giải pháp tái sử dụng nước trong phạm vi phù hợp với điều kiện thi công.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Trong năm, Công ty không phát sinh (hoặc phát sinh không đáng kể) các trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến môi trường. Trường hợp phát sinh (nếu có), Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khắc phục và tuân thủ theo quy định.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động. Công ty duy trì lực lượng lao động ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh; mức lương và thu nhập của người lao động được đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường và hiệu quả hoạt động của Công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, tuân thủ các quy định về an toàn lao động, đặc biệt trong lĩnh vực thi công điện; đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi, bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Hoạt động đào tạo được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và ý thức an toàn lao động:

- Thời lượng đào tạo bình quân được duy trì phù hợp theo từng nhóm lao động và vị trí công việc.
- Các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài được tổ chức nhằm phát triển kỹ năng, cập nhật công nghệ mới và hỗ trợ lộ trình phát triển nghề nghiệp cho người lao động.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng tại các địa bàn triển khai dự án, bao gồm tài trợ, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, đóng góp cho các chương trình xã hội – từ thiện và các hoạt động phát triển cộng đồng khác, qua đó góp phần nâng cao hình ảnh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Công ty từng bước nghiên cứu và tiếp cận các định hướng phát triển bền vững theo hướng dẫn của cơ quan quản lý, bao gồm các tiêu chuẩn liên quan đến thị trường vốn xanh. Trong giai đoạn hiện tại, các hoạt động liên quan (nếu có) đang được xem xét, đánh giá và triển khai phù hợp với chiến lược phát triển và điều kiện thực tế của Công ty.

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD, tuy nhiên thu nhập của CBCNV và người lao động, đảm bảo được việc làm thường xuyên cho người lao động. Năm 2025 lợi nhuận sau thuế chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, do yếu tố khách quan: một số công trình có vướng mắc về đền bù giải phóng mặt bằng, vật tư A cấp chưa kịp thời và không đồng bộ, đơn giá xây dựng thấp, Tổng B nợ chưa trả, Vật tư thường xuyên thay đổi tăng, đấu thầu trúng thầu các dự án nằm rải rác trên cả nước làm chi phí chuyển quân lớn, trong quá trình thi công bị gián đoạn do phải chờ đợi cắt điện, ảnh hưởng của thời tiết, v...v....

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm		Tỷ Trọng %		Chênh lệch	
	2024	2025	2024	2025	Giá trị	%
TÀI SẢN						
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	52.144	51.838	84,44	85,16	(306)	(0,59)
I. Tiền	7.808	9.409	12,64	15,46	1.601	20,50
II. Các khoản đầu tư TCNH	509	801	0,82	1,32	292	57,37
III. Các khoản phải thu NH	36.259	34.630	58,71	56,89	(1.629)	(4,49)
IV. Hàng tồn kho	7.493	6.832	12,13	11,22	(661)	(8,82)
- Trong đó: Chi phí SXKD dở dang	3.335	6.372	164,77	10,47	3.037	91,06
V. Tài sản ngắn hạn khác	75	166	0,12	0,27	91	121,33
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	9.611	9.030	15,17	14,84	(581)	(6,05)
I. Tài sản cố định	8.703	7.714	14,09	12,67	(989)	(11,36)
II. Các khoản phải thu dài hạn	243	777	0,00	1,28	534	
III. Các khoản đầu tư TCDH			-	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn			-	-	-	
V. Tài sản dài hạn khác	665	539	1,08	0,89	(126)	(18,95)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	61.755	60.868	99,61	100,00	(887)	(1,44)
NGUỒN VỐN	2024	2025	2024	2025	Giá trị	%
A. NỢ PHẢI TRẢ	51.851	50.859	83,96	83,56	(992)	(1,91)
I. Nợ ngắn hạn	47.674	47.872	77,20	78,65	198	0,42

<i>II. Nợ dài hạn</i>	4.177	2.987	6,76	4,91	(1.190)	(28,49)
B. NGUỒN VỐN CSH	9.904	10.009	16,04	16,44	105	1,06
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	9.904	10.009	16,04	16,44	105	1,06
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	61.755	60.868	100,00	100,00		

Thông qua bảng tính xác định tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trên ta có thể xem xét phân tích từng chỉ tiêu để xác định sự biến động của tài sản trên các khoản mục.

Tổng tài sản của công ty trong năm 2025 giảm 887 triệu đồng so với năm 2024, tức đã giảm 1,44%. Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi này cần xem xét sự biến động của các khoản mục chính trong tài sản như sau:

Vào thời điểm năm 2025 tài sản ngắn hạn có giá trị là: 51.838 triệu đồng năm 2024 là 52.144 triệu đồng, năm 2025 giảm so năm 2024: 306 triệu đồng tức giảm tương đương 0,59%, tài sản ngắn hạn năm 2025 của công ty giảm so với năm 2024, do ảnh hưởng của các yếu tố:

1. Các khoản tiền năm 2025 tăng 1.601 triệu đồng tương đương tăng 20,5% so năm 2024. Khi xem số liệu tổng hợp cho thấy năm 2025 so năm 2024 Công ty hoạt động tuy không gặp khó khăn về vốn nhưng khi đi sâu vào phân tích kỹ cho thấy: Năm 2025 Công ty đạt được doanh thu hơn 60 tỷ là do phải vay Ngân hàng. Công ty muốn vay được Ngân hàng khoản vốn lớn thì phải có Tài sản thế chấp lớn tương đương theo tỷ lệ cho vay. Điều này thể hiện năm 2025 Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu là vốn vay. Bởi kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay nên phải chịu lãi vay lớn, qua đó làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm từ 36.259 triệu đồng xuống 34.630 triệu đồng từ năm 2024 sang năm 2025; tức là giảm 1.629 triệu đồng tương đương 4,49%. Các khoản phải thu năm 2025 ít hơn năm 2024 chủ yếu: Phải thu khách hàng các chủ đầu tư và nhà thầu giao thầu và các khoản phải thu tạm ứng.

Qua số liệu và phân tích tích trên cho thấy năm 2025 là năm Công ty bị động về vốn, hoạt động kinh doanh chủ yếu là vốn vay; Tình hình thanh toán vốn từ các Chủ đầu tư và đơn vị giao thầu khó khăn, thanh toán không kịp thời, đơn đốc thu hồi công nợ chậm làm thiếu vốn phục vụ thi công từ đó làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình. Do thiếu vốn phục vụ thi công phải vay Ngân hàng, từ đó làm tăng lãi vay, đồng nghĩa làm tăng chi phí tài chính so với năm 2024, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm và bị động công tác tài chính.

b. Tình hình nợ phải trả

Thông tin này được công bố đầy đủ trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán ngày 20/03/2026.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý để phù hợp với tình hình thực tế và theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Coi trọng chính sách khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, đảm bảo tiền độ và chất lượng công trình bằng các hình thức tiền thưởng, ăn ca

+ Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho bộ phận quản lý, không ngừng nâng cao đào tạo tay nghề cho người lao động, tổ chức thi nâng bậc cho người lao động và nâng bậc lương cho CBCNV kịp thời.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giải quyết đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, có lợi nhuận. Trước mắt hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 với các chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH năm 2025	KH năm 2026	Tỷ lệ KH 2026/TH 2025%	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7
1	Doanh thu và thu nhập	Tr. Đ	61.242	132.853	216,93%	
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đ	106	3.572	3.369%	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đ a công tyn (nếu có):

Công ty đã tích cực triển khai các biện pháp quản lý và kiểm soát việc tiêu thụ tài nguyên (nước, năng lượng) cũng như phát thải trong quá trình hoạt động, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm thiểu tác động đến môi trường.

b. Đánh giá liên quan đ đ khai các biện pháp qu

Công ty chú trọng đảm bảo môi trường làm việc an toàn, ổn định, thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động, đồng thời tăng cường đào tạo nhằm nâng cao năng lực và gắn kết lâu dài.

c. Đánh giá liên quan đ môi trường làm việc an toàn, ổn định, thực hiện ượng, phát

Công ty tích cực phối hợp và tham gia các hoạt động hướng tới cộng đồng, góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội tại các địa bàn hoạt động, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

IV-Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2025 ngành xây dựng nói chung, xây dựng điện nói riêng còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty CP xây dựng điện VNECO4 vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết có đầy đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,

- Năm 2025 Công ty đã đề ra kế hoạch về: Doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân của người lao động và mức cổ tức cho các cổ đông, nhưng kết quả không đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng của các yếu tố sau:

+ Tuy công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm Công ty luôn chú trọng và tích cực, nhưng chưa thắng thầu được các công trình lớn, chỉ trúng thầu các công trình nhỏ kết quả làm doanh thu không đạt kế hoạch đề ra

+ Quá trình hoạt động kinh doanh trong năm 2024 gặp rất nhiều khó khăn như: Do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới về giá cả Vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tiêu tăng làm chi phí SXKD tăng. Tình hình vốn thanh toán từ các Chủ đầu tư và nhà thầu chính chậm làm Công ty không đủ vốn lưu động để phục vụ thi công các công trình. Muốn có vốn thi công các công trình kịp tiến độ, Công ty phải vay hàng chục tỷ đồng với lãi vay cao, đây cũng là một yếu tố làm tăng chi phí làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh.

+ Trong năm Công ty thi công một số công trình đặc biệt khó khăn, theo kế hoạch thời tiết thuận lợi chỉ 06 tháng là hoàn thành, nhưng do điều kiện thời tiết khắc nghiệt mưa lũ xảy ra thường xuyên, công nhân phải chờ đợi hàng quý làm tăng chi phí chuyên quân đi lại và chờ đợi, từ đó cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh không những không hoàn thành mà lỗ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Giám đốc đã có rất nhiều cố gắng trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt vai trò chức năng của mình để lãnh đạo công ty hoàn thành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Đã triển khai thực hiện đúng theo nội dung chương trình của HĐQT họp thống nhất đề ra trong năm 2025 như:

+ Lắp bộ thiết bị năng lượng mặt trời trị giá 200.000.000 đồng để phục vụ sản xuất kinh doanh

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

- Tích cực tìm kiếm việc làm để đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, bảo đảm doanh thu và lợi nhuận.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công việc đã được ĐHĐCĐ thường niên năm trước đề ra mà chưa thực hiện được

V- Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết) và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Quang Đức <i>Trong đó:</i>	Chủ tịch HĐQT – TV HĐQT độc lập	0	0	<i>Không quản lý điều hành trực tiếp</i>
2	Hồ Hữu Phước <i>Trong đó: +CP được ủy quyền + CP cá nhân</i>	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty	254.211 254.211 0	24,73 24,73 0	
3	Nguyễn Trung Phú	Thành viên HĐQT	0	0	
4	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	0	0	<i>Không quản lý điều hành trực tiếp</i>
5	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	0	0	<i>Không quản lý điều hành trực tiếp</i>

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

Trong năm 2024 HĐQT Công ty có 10 cuộc họp

- + Cuộc họp thứ nhất tiến hành vào ngày 21 tháng 02 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 2 tiến hành vào ngày 19 tháng 04 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 3 tiến hành vào ngày 06 tháng 05 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 4 tiến hành vào ngày 18 tháng 06 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 5 tiến hành vào ngày 24 tháng 06 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 6 tiến hành vào ngày 17 tháng 07 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 7 tiến hành vào ngày 29 tháng 10 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 8 tiến hành vào ngày 15 tháng 11 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 9 tiến hành vào ngày 12 tháng 12 năm 2025
- + Cuộc họp thứ 10 tiến hành vào ngày 25 tháng 12 năm 2025

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị hiện có 01 thành viên hội đồng quản trị độc lập là Ông Trần Quang Đức.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Tam	Trưởng Ban	4.500	0,43	
2	Nguyễn Thế Hùng	Thành viên	9.500	0,88	
3	Đình Mã Lương	Thành viên	51.600	5,02	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT, Ban Giám đốc.

- Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm của Công ty; Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, Báo cáo tài chính.

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm tra trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của điều lệ Công ty và Pháp luật.

- Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025, đồng thời kiến nghị với HĐQT Công ty một số giải pháp trong một số lĩnh vực quan trọng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích được công bố đầy đủ trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán ngày 20/03/2026.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Giao dịch mua: Trong năm không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm không phát sinh

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm qua HĐQT đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty trên cơ sở Luật pháp Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. Tỷ lệ năm giữ cổ phần của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày đăng ký cuối cùng theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu VNMEETVSDV000617/VSDVE4XX ngày 29/05/2025 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu (cp)	Tỷ lệ % số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trần Quang Đức	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Hồ Hữu Phước	Ủy viên HĐQT- Giám đốc	0	0	
3	Nguyễn Ngọc Ân	P.Giám đốc	8.582	0,83	
4	Nguyễn Trung Phú	Ủy viên HĐQT	0	0	
5	Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên HĐQT	0	0	
6	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Ủy viên HĐQT	0	0	
7	Nguyễn Thế Tam	Trưởng BKS	4.500	0,44	
8	Nguyễn Thế Hùng	Thành viên BKS	9.500	0,92	
9	Đình Mã Lương	Thành viên	51.600	5,02	

VI- Báo cáo tài chính

Số: 1007/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT HN
- Lưu: HĐQT VNECO4

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



GIÁM ĐỐC
Hồ Hữu Phước



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.836.966.487	52.144.497.748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	9.408.663.677	7.807.892.715
1. Tiền	111		4.393.638.221	2.872.661.463
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.015.025.456	4.935.231.252
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	801.474.540	509.428.620
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.224.358.606	2.224.358.606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.422.884.066)	(1.714.929.986)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.628.964.947	36.258.931.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	33.061.874.589	32.369.912.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.382.284.410	1.921.788.204
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.805.214.696	3.454.644.042
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.620.408.748)	(1.487.413.858)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	6.831.806.418	7.492.768.021
1. Hàng tồn kho	141		6.831.806.418	7.492.768.021
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		166.056.905	75.477.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	166.056.905	75.477.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.031.365.014	9.610.766.164
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		777.359.144	243.359.144
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	777.359.144	243.359.144
II. Tài sản cố định	220		7.714.301.692	8.702.797.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	7.714.301.692	8.702.797.770
- Nguyên giá	222		18.509.012.691	18.322.649.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.794.710.999)	(9.619.851.285)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		539.704.178	664.609.250
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	539.704.178	664.609.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		60.868.331.501	61.755.263.912

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.858.580.356	51.851.126.485
I. Nợ ngắn hạn	310		47.871.913.386	47.673.590.156
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	13.787.949.841	12.827.819.368
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.015.550	3.454.067.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	703.758.648	686.986.092
4. Phải trả người lao động	314		2.959.251.508	6.394.815.398
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	679.668.343	325.953.265
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	3.039.873.633	1.614.444.694
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	26.234.663.481	21.901.139.109
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		427.732.382	468.364.620
II. Nợ dài hạn	330		2.986.666.970	4.177.536.329
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	2.400.000.000	2.839.967.870
2. Dự phòng nợ phải trả dài hạn	342	4.15	586.666.970	1.337.568.459
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.009.751.145	9.904.137.427
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	10.009.751.145	9.904.137.427
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.280.000.000	10.280.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.916.544.618	3.916.544.618
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		343.153.361	343.153.361
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.529.946.834)	(4.635.560.552)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.635.560.552)	(5.103.212.987)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		105.613.718	467.652.435
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		60.868.331.501	61.755.263.912

Người lập biểu
Hồ Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng
Hoàng Đình Khánh

Giám đốc
Hồ Hữu Phước
Nghệ An, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	59.647.587.227	72.961.639.009
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		59.647.587.227	72.961.639.009
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	56.416.457.856	65.680.848.443
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.231.129.371	7.280.790.566
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	86.700.851	129.388.763
7. Chi phí tài chính	22	5.4	980.584.507	2.097.300.538
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.272.630.427	1.634.777.858
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	3.498.208.173	5.180.364.613
10. Lợi nhuận thuần (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.160.962.458)	132.514.178
11. Thu nhập khác	31	5.6	1.508.465.021	632.196.805
12. Chi phí khác	32		3.906.833	137.040.135
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.504.558.188	495.156.670
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		343.595.730	627.670.848
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	237.982.012	160.018.413
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		105.613.718	467.652.435
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	103	455
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.8	35	455

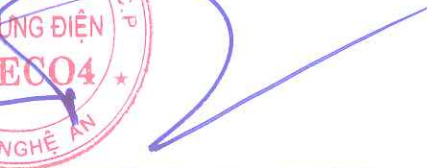


Người lập biểu
Hồ Thị Khánh Vân



Kế toán trưởng
Hoàng Đình Khánh




Giám đốc
Hồ Hữu Phước
Nghệ An, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	57.146.139.259	81.875.689.683
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(46.193.512.071)	(61.152.393.779)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.612.233.156)	(15.004.616.776)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.257.025.043)	(1.740.284.658)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(135.280.822)	(67.145.710)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.980.744.530	6.656.076.686
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(12.121.459.795)	(8.616.020.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.192.627.098)	1.951.304.629
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(186.363.636)	(147.000.000)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.363.636
3. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	86.197.114	193.868.336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(100.166.522)	3.648.231.972
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	42.888.445.475	56.269.689.756
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(38.994.880.893)	(62.348.638.887)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.893.564.582	(6.078.949.131)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.600.770.962	(479.412.530)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.807.892.715	8.287.305.245
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	9.408.663.677	7.807.892.715

Người lập biểu
Hồ Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng
Hoàng Đình Khánh



Giám đốc
Hồ Hữu Phước
Nghệ An, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026